

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 4 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Tuyết Kha

2. Bà Dương Thị Tú Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh V có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/3/2005. Vợ chồng chị đã ly thân từ khoảng tháng 01/2022 đến nay vợ chồng mâu thuẫn, sống chung không còn hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 người con chung là Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/4/2005 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 22/6/2012, hiện đang sống chung với vợ chồng tôi. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Kim H, yêu cầu giao Nguyễn Thanh A cho anh V nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh V trình bày:*

Về hôn nhân: Anh trình bày thống nhất với lời khai của chị Đ về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ và muốn hàn gắn hôn nhân.

Về con chung: Anh và chị Đ có hai người con chung như chị Đ trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và giao cháu H cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Đ được ly hôn với anh V.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/4/2005 cho anh Nguyễn Thanh V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Nguyễn Kim H, sinh ngày 22/6/2012 cho chị Trần Thị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V, anh V đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh V là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Đ và anh V tự nguyện sống chung từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị Đ và anh V là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình sống chung chị Đ và anh V xảy ra mâu thuẫn mà không hàn gắn được. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng chị Đ xác định không còn tình thương với anh V và cương quyết ly hôn. Anh V xác định còn thương vợ nên muốn hàn gắn hôn nhân, nhưng anh V không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hôn nhân, mặt khác anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh V không đến, như vậy anh V đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị Đ và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh V thống nhất có hai người con chung là Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/4/2005 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 22/6/2012. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và giao cháu A cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, anh V đồng ý. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A và cháu H tại biên bản lấy ý kiến ngày 21/01/2020. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ: Giao cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/4/2005 cho anh V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Kim H, sinh ngày 22/6/2012 cho chị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đ và anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Đ ly hôn anh Nguyễn Thanh V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/4/2005 cho anh Nguyễn Thanh V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Nguyễn Kim H, sinh ngày 22/6/2012 cho chị Trần Thị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Đ đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004982 ngày 19/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Nguyễn Thanh V không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên Ly